

DANH SÁCH PHÂN LỚP NĂM HỌC 2021 - 2022
LỚP CŨ 8/02

STT	Họ và tên học sinh	Lớp cũ	Lớp mới NH 2021-2022	Phái	TBcm	HL	HK	Ghi chú
1	NGUYỄN QUỐC ÁI	8/02	9/01	Nam	5.7	TB	K	
2	ĐỖ NGỌC AN	8/02	9/03	Nữ	7.7	K	T	
3	NGUYỄN GIA BẢO	8/02	9/01	Nam	6.6	TB	K	
4	NGUYỄN NHỰT GIA BẢO	8/02	9/06	Nam	8.5	G	T	
5	TRƯƠNG ĐOÀN MINH CHIẾN	8/02	9/04	Nam	6.4	TB	T	
6	LÊ THÀNH CÔNG	8/02	9/02	Nam	7.3	K	T	
7	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	8/02	9/01	Nam	8.2	G	T	
8	TRƯƠNG NGUYỄN VŨ DUY	8/02	9/01	Nam	7.3	K	T	
9	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	8/02	9/04	Nam	7.9	K	T	
10	ĐỖ QUỐC HUY	8/02	9/05	Nam	6.6	K	T	
11	PHAN NHẬT HUY	8/02	9/06	Nam	6.1	TB	K	
12	DƯ QUỐC HÙNG	8/02	9/07	Nam	8.3	G	T	
13	LÊ NGUYỄN TẤN HÙNG	8/02						Nghỉ
14	HUỲNH TẤN HƯƠNG	8/02	9/02	Nam	5.2	TB	K	
15	ĐÀM THUY KIM KHÁNH	8/02	9/06	Nữ	5.5	TB	T	
16	VÕ ANH KHOA	8/02	9/06	Nam	6.7	K	T	
17	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	8/02	9/06	Nữ	8.1	K	T	
18	HÀ ĐỨC MẠNH	8/02	9/06	Nam	8.1	G	T	
19	THÂN NGUYỄN TRÀ MY	8/02	9/08	Nữ	7.6	K	T	
20	NGUYỄN HOÀNG NHẬT NAM	8/02	9/08	Nam	6.0	TB	T	
21	NGUYỄN HOÀNG KIM NGÂN	8/02	9/04	Nữ	9.2	G	T	
22	HÀ VINH NGHI	8/02	9/01	Nữ	7.6	K	T	
23	PHAN LÊ TRỌNG NGHĨA	8/02	9/08	Nam	6.5	TB	K	
24	TRẦN TRỌNG NGÔN	8/02	9/07	Nam	8.1	G	T	
25	NGUYỄN BẠCH PHI NHUNG	8/02	9/08	Nữ	7.8	K	T	
26	NGUYỄN NHẬT THIÊN PHÁT	8/02	9/08	Nam	6.8	TB	K	
27	TRẦN MINH PHÁT	8/02	9/08	Nam	7.0	K	T	
28	HUỲNH LÊ SONG PHƯƠNG	8/02	9/03	Nữ	6.4	TB	T	
29	HUỲNH MINH QUY	8/02	9/01	Nam	7.9	K	T	
30	TRẦN BẢO SANG	8/02	9/05	Nam	8.2	K	T	
31	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	8/02	9/04	Nữ	8.2	G	T	
32	NGUYỄN THÁI THÀNH	8/02	9/05	Nam	7.3	K	T	
33	TRẦN TUẤN THÀNH	8/02	9/02	Nam	7.7	K	T	
34	NGUYỄN ĐẶNG THANH THÚY	8/02	9/07	Nữ	8.5	G	T	
35	HÀ THUY ANH THƯ	8/02	9/02	Nữ	6.9	K	T	
36	TÔN NỮ KIM THƯ	8/02	9/01	Nữ	7.7	K	T	
37	TRƯƠNG HUỲNH THY	8/02	9/08	Nữ	7.3	K	T	
38	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	8/02	9/07	Nam	5.5	TB	K	
39	TRẦN TRÍ TOÀN	8/02	9/06	Nam	6.8	K	T	
40	NGUYỄN HOÀNG MINH TRÍ	8/02	9/03	Nam	8.2	G	T	
41	PHẠM MINH TRÍ	8/02	9/05	Nam	8.1	K	T	
42	TRẦN TRUNG TRỰC	8/02	9/08	Nam	7.1	K	K	
43	HỒ HOÀN VY	8/02	9/02	Nữ	6.4	TB	T	
44	PHẠM LÊ HẢI YẾN	8/02	9/01	Nữ	7.0	K	T	

